

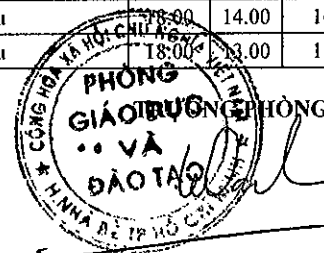
Ngày 22 tháng 2 năm 2016

DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016
MÔN VẬT LÝ

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Bùi Minh	Châu	3	6	2001	TPHCM	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	16.00	18.50	17.25	1	Thi TP
2	Đặng Thị Thúy	Hằng	14	12	2001	Cần Giuộc - Long An	Nữ	9A1	THCS Hiệp Phước	10.25	12.00	11.13	10	Thi TP
3	Phạm Minh	Huy	27	1	2001	Tây Ninh	Nam	9A3	THCS Lê Văn Hưu	17.00	11.50	14.25	7	Thi TP
4	Nguyễn Phước	Hưng	5	3	2001	TPHCM	Nam	9A7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	14.75	14.50	14.63	6	Thi TP
5	Vũ Trần Quỳnh	Hương	3	5	2001	TPHCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.25	15.50	13.38	9	Thi TP
6	Nguyễn Tuấn	Kiệt	4	3	2001	TPHCM	Nam	9A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	16.00	17.50	16.75	3	Thi TP
7	Trương Thành	Phát	21	12	2001	TP. HCM	Nam	9A6	THCS Hai Bà Trưng	5.75	9.00	7.38	15	Thi TP
8	Hàng Anh	Quốc	26	8	2001	TP. HCM	Nam	9A3	THCS Hai Bà Trưng	8.00	12.00	10.00	12	Thi TP
9	Nguyễn Bảo	Quyên	29	12	2001	TPHCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.50	12.50	10.00	12	Thi TP
10	Lê Ngọc	Thảo	15	7	2001	Bình Phước	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	17.25	9.75	13.50	8	Thi TP
11	Nguyễn Thị Kim	Thoa	20	6	2001	TPHCM	Nữ	9A4	THCS Lê Văn Hưu	11.25	9.50	10.38	11	Thi TP
12	Tô Hoàng	Tiến	19	8	2001	TPHCM	Nam	9A1	THCS Lê Văn Hưu	9.50	9.50	9.50	14	Thi TP
13	Trần Thị Ngọc	Trâm	11	12	2001	Đồng Nai	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	18.00	16.00	17.00	2	Thi TP
14	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	6	3	2001	TPHCM	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	17.00	14.00	16.00	4	Thi TP
15	Phạm Ngọc Thúy	Vy	16	2	2001	TPHCM	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	18.00	14.00	15.50	5	Thi TP

Danh sách có 15 học sinh



Lê Thị Oanh

Ngày 22 tháng 2 năm 2016

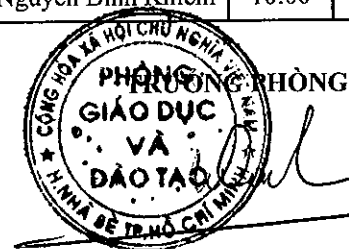
DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016

BỘ MÔN TOÁN

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Dương Thị Vĩnh	An	14	1	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	12.00	13.25	12.63	2	Thi TP
2	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	6	2	2001	TP.HCM	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	13.75	10.25	12.00	3	Thi TP
3	Cao Xuân	Hải	18	11	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	14.50	8.75	11.63	4	Thi TP
4	Trần Minh	Hiếu	16	2	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	10.25	10.13	6	Thi TP
5	Nguyễn Thanh	Hùng	7	4	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.00	7.00	9.00	9	Thi TP
6	Phan Tuấn	Khải	29	6	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.25	10.50	8.88	10	Thi TP
7	Ngô Gia	Khang	14	1	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	8.25	9.13	8	Thi TP
8	Trần Kinh	Luân	3	11	2001	TP. HCM	Nam	9A6	THCS Hai Bà Trưng	9.00	7.00	8.00	13	Thi TP
9	Đào Bảo	Ngân	21	3	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.00	10.50	8.75	11	Thi TP
10	Phạm Đắc	Nghĩa	6	2	2001	TP.HCM	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	10.75	10.00	10.38	5	Thi TP
11	Lê Mai Nguyên	Thảo	11	12	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	15.50	13.25	14.38	1	Thi TP
12	Võ Ngọc Bảo	Trần	27	8	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6.00	9.50	7.75	14	Thi TP
13	Bùi Nguyễn Hoàng	Vân	17	7	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	9.25	7.25	8.25	12	Thi TP
14	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	30	3	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	10.00	10.00	7	Thi TP

Danh sách có 14 học sinh



Lê Thị Oanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CHỌN DỰ THI HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP THÀNH PHỐ
Năm học 2015-2016
MÔN ĐỊA LÝ

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm						L1	L2	ĐTB		
1	Trần Công	Danh	5	12	2001	TP. HCM	Nam	Kinh	9A3	THCS Hai Bà Trưng	13.50	8.00	10.80	7	Thi TP
2	Hoàng Ngọc Anh	Duy	24	8	2001	TP. HCM	Nam	Kinh	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	9.25	9.60	10	Thi TP
3	Trần Trung	Hiếu	2	8	2001	Bình Phước	Nam	Kinh	9A6	THCS Hai Bà Trưng	12.00	8.00	10.00	9	Thi TP
4	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	1	9	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A1	THCS Lê Văn Hưu	10.25	12.25	11.30	2	Thi TP
5	Lê Thị Mỹ	Linh	19	5	2001	Bình Phước	Nữ	Kinh	9A2	THCS Hiệp Phước	11.50	11.00	11.30	2	Thi TP
6	Trần Mỹ	Linh	24	4	2000	TP. HCM	Nữ	Hoa	9A3	THCS Hai Bà Trưng	10.00	8.75	9.40	11	Thi TP
7	Trần Phan Ngọc	Linh	30	9	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	12.50	9.75	11.10	4	Thi TP
8	Nguyễn Phạm Diễm	Nguyễn	17	11	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	10.00	8.00	9.00	13	Thi TP
9	Lê Thị Thu	Phương	25	2	2001	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	11.50	10.75	11.10	4	Thi TP
10	Nguyễn Hoàng	Sơn	10	12	2001	TP. HCM	Nam	Kinh	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	12.00	9.75	10.90	6	Thi TP
11	Dương Tiến	Thịnh	29	1	2001	TP. HCM	Nam	Kinh	9A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.50	14.25	12.40	1	Thi TP
12	Lê Thị Anh	Thư	5	2	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A2	THCS Hiệp Phước	10.00	8.00	9.00	13	Thi TP
13	Phan Ngọc Cẩm	Tiên	31	5	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A4	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	11.50	10.80	7	Thi TP
14	Đặng Thị Minh	Trâm	28	8	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	11.00		9.30	12	Thi TP

Danh sách có 14 học sinh. *M*



Lê Thị Oanh

